

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ IV/2022	NĂM 2022
	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	16.305.171.915	59.175.755.905
	Lãi cho vay	15.965.174.100	58.797.938.000
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	339.997.815	377.817.905
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	2.741.581.971	11.215.476.329
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	936.459.000	3.753.912.600
	Chi phí lãi vốn vay	43.271.793	398.077.858
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	1.761.851.178	7.063.485.871
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	13.563.589.944	47.960.279.576
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	11.811.968	112.837.957
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(11.811.968)	(112.837.957)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-	-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	3.554.756	13.341.692
6	Chi phí từ hoạt động khác	764.905.387	1.984.079.309
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	(761.350.631)	(1.970.737.617)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	8.567.614.845	22.597.464.756
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	4.222.812.500	23.279.239.246
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(269.742.073)	(824.723.178)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	4.492.554.573	24.103.962.424
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	4.492.554.573	24.103.962.424
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

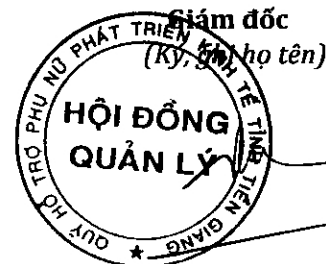
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập bảng
(Ký, ghi họ tên)

Trương Thị Ánh Hồng

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Giám đốc
(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Thanh Thủy



QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	QUÍ III/2022	QUÍ IV/2022
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	152.701.400	102.372.000
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	0	0
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	28.103.318.917	33.288.755.788
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	28.103.318.917	33.288.755.788
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	362.237.406.979	357.980.134.252
1	Cho vay khách hàng	365.428.502.900	360.856.974.900
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-3.191.095.921	-2.876.840.648
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Góp vốn liên doanh		
3	Đầu tư vào công ty liên kết		
4	Đầu tư dài hạn khác		
IX.	Tài sản cố định	48.834.458	42.594.875
1	Tài sản cố định hữu hình	48.834.458	42.594.875
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-457.302.642	-463.542.225
2	Tài sản cố định vô hình	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	1.518.842.260	4.380.641.255
1	Các khoản phải thu	1.375.120.260	1.831.219.632
2	Các khoản lãi, phí phải thu	0	2.351.271.623
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0	
4	Tài sản có khác	143.722.000	198.150.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	0	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	392.061.104.014	395.794.498.170

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)			
Mã số	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	QUÍ III/2022	QUÍ IV/2022
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác		
2	Vay các TCTD khác	0	0
a	- Vay Tổ chức NMA	0	0
b	- Vay ngân hàng ABBANK	0	0
III.	Tiền gửi của khách hàng	159.512.401.100	157.603.569.300
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	47.222.000.000	47.222.000.000
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	6.528.956.609	7.678.627.992
1	Các khoản lãi, phí phải trả	3.615.074.866	1.227.225.359
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	2.913.881.743	6.451.402.633
4	Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)	0	0
	Cộng nợ phải trả	213.263.357.709	212.504.197.292
VIII.	Vốn và các quỹ	178.797.746.305	183.290.300.878
1	Vốn của tổ chức tín dụng	159.186.338.454	159.186.338.454
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851
	Vốn đầu tư XDCB	0	0
	Vốn khác	152.981.939.603	152.981.939.603
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	19.611.407.851	24.103.962.424
	a. Năm trước	0	0
	b. Năm nay	19.611.407.851	24.103.962.424
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	392.061.104.014	395.794.498.170

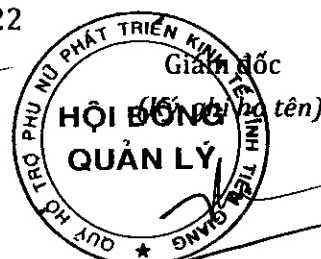
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập bảng
(Ký, ghi họ tên)

Trương Thị Ánh Hồng

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh



Trần Thị Thanh Thụy



QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ III/2022	QUÍ IV/2022
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	6.189.814.668	4.492.554.573
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	5.707.571	6.239.583
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm	(454.805.945)	(269.742.073)
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ/(thực tế chưa thu)	-	(2.351.271.623)
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ/(thực tế chưa trả)	3.615.074.866	1.227.225.359
06	(Lãi)/ lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	-
07	(Lãi)/ lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
08	(Lãi)/ lỗ do thanh lý các khoản đầu tư/ góp vốn vào dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn	-	-
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
10	Các điều chỉnh khác	-	-
	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	9.355.791.160	3.105.005.819
	Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>		
11	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác	-	-
12	(Tăng)/Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán	-	-
13	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
14	(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	13.841.174.800	4.571.528.000
15	(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	-	-
16	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(35.828.900)	(44.513.200)
17	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(179.737.618)	(510.527.372)
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>		
18	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-
19	Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	(4.000.000.000)	-
20	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	3.989.909.500	(1.908.831.800)
21	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, và cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-
23	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)	-	-
24	Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(2.791.912.009)	(3.615.074.866)
25	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(398.843.936)	3.537.520.890
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	19.780.552.997	5.135.107.471
26	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
27	Chi từ các Quỹ của TCTD	-	-
	I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	19.780.552.997	5.135.107.471

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2 – Lê Lợi – Phường 1 – TP Mỹ Tho – tỉnh Tiền Giang

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: www.mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)			
Mã số	CHỈ TIÊU	QUÍ III/2022	QUÍ IV/2022
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Mua sắm tài sản cố định	(34.925.000)	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
4	Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
5	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
6	Tiền chi từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	-	-
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	-	-
9	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	-	-
	II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(34.925.000)	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Tăng (Giảm) vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu	-	-
2	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
3	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-
4	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	-	-
5	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ	-	-
6	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ	-	-
III	III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
IV	IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	19.745.627.997	5.135.107.471
V	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	8.510.392.320	28.256.020.317
VI	VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		
VII	VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	28.256.020.317	33.391.127.788

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập bảng

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

(Ký, ghi họ tên)

Trương Thị Ánh Hồng

Nguyễn Tông Linh



Trần Thị Thanh Thủy